TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2018
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ - TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm nhân dânphán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quốc Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quý Châm và bà Nguyễn Thị Phương

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Lô.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyên Sông Lô tham gia phiên toà: Bà Trịnh Hoàng Miên - kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2018/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ĐKHK: Thôn L, xã N, huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1993 (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức T ngày 03/11/2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T. Quá trình vợ chồng chung sống không được hòa thuận hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng do anh T đánh đập, sỉ nhục chị, chị cũng cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T không thay đổi. Hai bên gia đình cũng hòa giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày: về thời gian kết hôn quá trình vợ chồng chung sống như chị A trình bày là đúng, còn nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Nay chị A làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị A khởi kiện anh T tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình. Chị Anh có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện Sông Lô nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Sông Lô. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo các quy định tại các Điều 28, 39, 69, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị A với anh T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình anh, chị chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Chị A và anh T mới kết hôn được thời gian ngắn nhưng vợ chồng không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân được một thời gian. Ông Nguyễn Văn P bố đẻ của anh T cho biết, chị A và anh T kết hôn được khoảng 04 tháng nhưng không rõ mâu thuẫn gì chị A tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên gia đình hòa giải để chị A, anh T về đoàn tụ nhưng không được, ông P đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn của chị A cho chị A được ly hôn với anh T. Mặt khác xác minh tại địa phương cho biết do chị

A nộp đơn trực tiếp đến Tòa án nên địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T có nguyện vọng xin được đoàn tụ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần báo gọi anh T đến hòa giải anh T đều vắng mặt không có lý do, việc anh T xin đoàn tụ là không thực tâm, mục đích là gây khó khăn cho chị A trong quá trình giải quyết vụ án. Nay chị A xin ly hôn anh T. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Chị A và anh T xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, về công sức: Chị A, anh T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc A.

Xử cho chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000đ nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004741 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị A đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Trần Quốc Hồng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- THA huyện Sông Lô;
- Đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- THA huyện Sông Lô;
- Đương sự;
- UBND xã Quang Yên;
- Lưu HS, VP.

Trần Quốc Hồng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Hồng